TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-04- 2020
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Văn Dân

2/ Bà Mai Hồng Thắm

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành th*am gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Tố Anh- Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 472/2018/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 5 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Tú U, sinh năm: 1992 (có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 7C, Khu phố 6 , Thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang

2.*Bị đơn*: Anh Phạm Văn L, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 12, ấp H, TT A, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 22/12/2019 trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Tú U trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn L kết hôn với nhau vào năm 2009, hôn nhân do quen biết, tự nguyện sống chung như vợ chồng, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn chị về chung sống với gia đình cha mẹ chồng. Chị và anh L sống êm ấm chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẩn, do bất đồng trong cuộc sống, tính tình

không hòa hợp nhau, không hòa hợp với gia đình bên chồng và bất đồng trong giải quyết chuyện nội bộ gia đình, đời sống hàng ngày..từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, vợ chồng luôn bất hòa không hạnh phúc. Từ tháng 8 năm 2012 vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa, ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng bị rạn nứt do mâu thuẫn ngày càng nhiều, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn L.

- Về con chung: có 01(một) con chung tên: Phạm Thị Yến N, sinh ngày 13/11/2010. Hiện cháu Phạm Thị Yến N đang sống với chị U. Sau ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu N , không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Phạm Văn L vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị U. Tòa án cũng tiến hành xác minh lại sự vắng mặt của anh L tại địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì anh L hiện nay hộ khẩu thường trú vẫn ở tổ 12, ấp H, TT A, huyện C, tỉnh An Giang, nhưng anh L vắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai lại được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan.Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị U, cho chị U ly hôn với anh L . Về con chung: Đề nghị giao cháu N cho chị U nuôi dưỡng, Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Phạm Văn L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn L theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân**:** Chị Trần Thị Tú U và anh Phạm Văn L kết hôn với nhau vào năm 2009, hôn nhân do quen biết, tự nguyện sống chung như vợ chồng, có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện C, An Giang. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo đơn chị U trình bày thời gian đầu sau khi kết hôn chị và anh L chung sống với cha mẹ chồng, vợ chồng sống hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẩn, do bất đồng trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp nhau, không hòa hợp với gia đình bên chồng và bất đồng trong giải quyết chuyện nội bộ gia đình, đời sống hàng ngày..từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, vợ chồng luôn bất hòa không hạnh phúc. Từ tháng 8 năm 2012 vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa, ly thân nhau từ đó cho đến nay. Xét thấy với thời gian ngắn chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẩn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẩn. Trong thời gian ly thân hai bên không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt giấy mời nhưng anh Lcũng không đến và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để có ý kiến về việc xin ly hôn của chị U. Hiện tại chị U xác định không còn tình cảm với anh L , Tại tòa chị vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của chị U và anh L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị U là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điều 56 của luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2]Về con chung: có 01(một) con chung tên: Phạm Thị Yến N sinh ngày 13/11/2010. Hiện cháu Phạm Thị Yến N đang sống với chị U. Sau ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu N , không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu N từ nhỏ cho đến nay đều sống với chị U, được chị U chăm sóc ổn định. Tại bản tự khai ngày 20/4/2020 cháu N cũng có nguyện vọng sống với chị U. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu, nghĩ nên để chị U được tiếp tục nuôi cháu N là phù hợp, anh L không cấp dưỡng nuôi con. Chị U phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh L được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi anh thực hiện quyền này**.**

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Tú U trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí**:** Do yêu cầu của Chị Trần Thị Tú U được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên***,**

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Tú U. Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Tú U và anh Phạm Văn L

Giấy chứng nhận kết hôn số: 79 /KH, ngày 21/4/2011 của Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Tú U được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Yến Nhi sinh ngày 13/11/2010. Anh Phạm Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị U phải tạo điều kiện cho anh L được quyền tới lui chăm sóc cháu N, không ai được cản trở khi anh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Tý U trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Tú U phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006637 ngày 20/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5. Về kháng cáo: Chị Trần Thị Tú U được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/4/2020).Anh Phạm Văn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Cơ quan đăng ký kết hôn;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Dung